

1	2	3
8905	Tàu thuyền đèn hiệu, tàu cứu hỏa, tàu hút nạo, cần cẩu nổi và tàu thuyền khác mà tính năng di động trên mặt nước chỉ nhằm bổ sung cho chức năng chính của các phương tiện này; xưởng sửa chữa tàu nổi, dàn khoan hoặc dàn sản xuất nổi hoặc ngầm - Dàn khoan, dàn sản xuất nổi hoặc ngầm - Loại khác	5 5
8906	Tàu thuyền khác; kể cả tàu chiến và tàu cấp cứu, trừ thuyền dùng mái chèo - Loại có lượng chiếm nước từ 300 tấn trở xuống - Loại khác	0
8907	Các kết cấu nổi khác (ví dụ: bè, mảng, thùng chứa chất lỏng, két son để thi công cầu cống, bến tàu nổi, phao, đèn hiệu nổi) - Tàu thuyền bơm hơi - Loại khác	5 0

**THÔNG TƯ số 39/1998/TT-BTC ngày
31-3-1998 hướng dẫn thuế nhập
khẩu đối với tài sản di chuyển
về nước của các tổ chức, các công
ty làm nhiệm vụ ở nước ngoài.**

Căn cứ Nghị định số 54-CP ngày 28-8-1993 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 432/CP-KTTH ngày 9-2-1998;

Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng thuế nhập khẩu đối với tài sản di chuyển về nước của các tổ chức, các công ty làm nhiệm vụ ở nước ngoài như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI ÁP DỤNG

1. Các tổ chức, công ty có tài sản di chuyển về nước phải là các tổ chức, công ty của Việt Nam

công tác, hoạt động kinh doanh, sản xuất tại nước ngoài sau khi hoàn thành nhiệm vụ trở về nước bao gồm: Đại sứ quán, các văn phòng đại diện, đại diện thương mại, các công ty, các chi nhánh của công ty, các đơn vị trúng thầu thi công công trình ở nước ngoài khi về mang theo tài sản của đơn vị về nước.

2. Tài sản di chuyển phải là tài sản cố định thuộc sở hữu của tổ chức và công ty, được hạch toán vào tài sản của đơn vị quản lý và sử dụng theo quy định tài chính hiện hành. Số tài sản này được mua ở nước ngoài và thực tế đã đưa vào sử dụng trong sản xuất, kinh doanh hay hoạt động của đơn vị tại nước ngoài với thời gian ít nhất từ 6 tháng trở lên.

**II. CÁCH XÁC ĐỊNH THUẾ NHẬP KHẨU,
THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT (NẾU CÓ) ĐỐI
VỚI TÀI SẢN DI CHUYỂN CỦA TỔ CHỨC,
CÔNG TY KHI NHẬP KHẨU VỀ NƯỚC**

Tài sản di chuyển của tổ chức, công ty khi nhập khẩu về nước phải nộp thuế nhập khẩu, thuế tiêu

thu đặc biệt (nếu có). Giá tính thuế làm căn cứ để tính thuế nhập khẩu và thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có) được xác định trên cơ sở giá trị sử dụng còn lại của tài sản tại thời điểm nhập khẩu.

Giá trị sử dụng còn lại của tài sản tại thời điểm nhập khẩu được xác định căn cứ vào kết quả giám định chất lượng hàng hóa của cơ quan giám định nhà nước có thẩm quyền. Trong trường hợp căn cứ vào lý lịch của tài sản cố định, thời gian sử dụng và tỷ lệ khấu hao, tình trạng thực tế của tài sản thấy không phù hợp với kết quả giám định thì cơ quan thu thuế có quyền trưng cầu giám định lại. Cơ quan thu thuế trưng cầu giám định phải chịu chi phí giám định nếu kết quả giám định lại đúng với kết quả giám định do đơn vị, doanh nghiệp trưng cầu giám định; đơn vị, doanh nghiệp chịu trách nhiệm chi trả chi phí giám định nếu kết quả giám định lại không đúng với kết quả giám định do đơn vị, doanh nghiệp trưng cầu giám định.

Trên cơ sở kết quả giám định chất lượng tài sản di chuyển của cơ quan giám định nhà nước có thẩm quyền, cơ quan hải quan xác định giá tính thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có) theo đúng nguyên tắc đã được quy định tại Thông tư số 65-TC/TCT ngày 24-9-1997 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định giá tính thuế nhập khẩu và thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng hóa nhập khẩu của các đối tượng được miễn thuế nay thay đổi lý do miễn, giảm thuế.

III. XỬ LÝ VI PHẠM

Các tổ chức, công ty quy định tại Mục I nêu trên, khi nhập khẩu có hành vi man khai, trốn thuế thì ngoài việc truy thu đủ thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt nêu trên, sẽ bị xử phạt theo quy định của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt hiện hành.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các quy định trước đây trái với quy định tại Thông tư này đều bãi bỏ. Trong quá trình thực hiện, có gì vướng mắc, đề nghị các đơn vị kịp thời báo cáo Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế để nghiên cứu xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thứ trưởng

VŨ MỘNG GIAO

THÔNG TƯ số 54/1998/TT-BTC ngày
18-4-1998 hướng dẫn sửa đổi
Thông tư số 71-TT/LB ngày
5-12-1991 của liên Bộ Tài chính -
Ngoại giao - Nội vụ về mức thuế
lệ phí hộ chiếu.

Căn cứ Quyết định số 276-CT ngày 28-7-1992 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) về thống nhất quản lý phí, lệ phí.

Để bù đắp chi phí cần thiết phục vụ việc quản lý xuất nhập cảnh, phù hợp với thông lệ quốc tế, theo đề nghị của Bộ Nội vụ tại Công văn số 232-BNV (A11) ngày 28-3-1998 và của Bộ Ngoại giao tại Công văn số 355/NG-LS ngày 26-3-1998 về việc mức giá hộ chiếu mới. Sau khi thống nhất với Bộ Nội vụ và Bộ Ngoại giao, Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi Thông tư liên Bộ số 71-TT/LB ngày 5-12-1991 của liên Bộ Tài chính - Ngoại giao - Nội vụ về quy định việc thu tiền lệ phí cấp hộ chiếu, các loại giấy tờ, chứng nhận cho người nước ngoài và công dân Việt Nam nhập cảnh, xuất cảnh và cư trú như sau: